

Phân thư lục

Phật nhập Niết-bàn

(Năm 544 Tr. Tây lịch)

1. Cuộc hành trình cuối cùng

Mặc dầu có biến cố đẫm máu ở Ca-tỳ-la-vệ, nhưng mùa mưa năm 546 trước Tây lịch, Phật vẫn an cư kiết hạ tại Kỳ Viên, trong thành Xá Vệ, kinh đô nước Kosala của vua Vidudabha. Đó là vì Phật xem chuyện bộ tộc Sakya bị tàn sát là một việc phải trả quả.

Trong lúc an cư tại đây, Phật hay tin Xá-lợi-phất đã mệnh chung hồi năm rồi, tại làng Nalagamaka gần thành Vương Xá của nước Ma-kiệt-đà, chính đại đức Cunda (em ruột của trưởng lão Xá-lợi-phất) đem các di vật của người quá cố đến và báo cho Phật biết tin này. Rồi vào lúc trời hết mưa, Phật đi về hướng Nam. Khi tới làng Ukhavela bên sông Hằng, Ngài lại được tin Mục-kiền-liên đã bị giết cũng vào năm rồi (năm 547 trước Tây lịch). Phật xúc động nói với các tỷ kheo :

Thiếu vắng hai vị ấy, Giáo hội như một cây hùng vĩ đầy sức sống có hai nhánh lớn bị hư hại. Nhưng có một vật nào đã sanh mà không bị diệt ?



Cuối năm 546 trước Tây lịch, Phật đang trú tại thành Vương Xá¹ của nước Ma-kiệt-đà. Một hôm Ngài nói.

Này A-nan !
Ta muốn đến làng
Ambalatthika

Thưa vâng,
Bạch Thế Tôn



Trong thời gian trú tại nhà nghỉ mát của vua A-xà-thế tại làng Ambalatthika², Phật giảng pháp cho những người mộ đạo nghe.

1. Các địa danh in đậm và có số Ả-rập kèm theo đều có trong bản đồ 4 “Chuyến đi cuối cùng” trang 414.



Sau đó Phật đến làng **Nalanda**³, được đón tiếp rất nồng nhiệt.

Một thời gian sau, Phật đến làng **Pataligama**⁴, được các cư sĩ đón mời.



Bạch Thế Tôn,
mong Thế Tôn hãy
đến nhà nghỉ mát
của chúng con



Phật im lặng nhận lời mời của các cư sĩ. Họ vội vã đến nhà nghỉ mát, rải cát khắp nền nhà, sắp đặt chỗ ngủ, đặt ghè nước, chuẩn bị dầu, đèn. Xong, họ đến báo cho Phật hay.



Phật và đại chúng cùng đến đó, rửa chân rồi vào nhà, ngồi xuống. Phật dựa lưng vào cột nhà ở chính giữa, mặt hướng về phía Đông.

Trong đêm đó, Phật giảng pháp đến khuya rồi mới chịu vào phòng riêng.



Khoảng thời gian ấy, tại vùng đất này có hai vị đại thần của nước Ma-kiệt-đà, tên là Sunidha và Vassakara đang chỉ huy việc đào hào đắp lũy để ngăn chặn quân Vajji.

Hai vị này đến chỗ Phật ngụ, đảnh lễ Ngài.



Sau buổi thọ thực, hai vị đại thần lấy các chiếc ghế thấp, rồi ngồi xuống một bên, lắng tai nghe pháp.

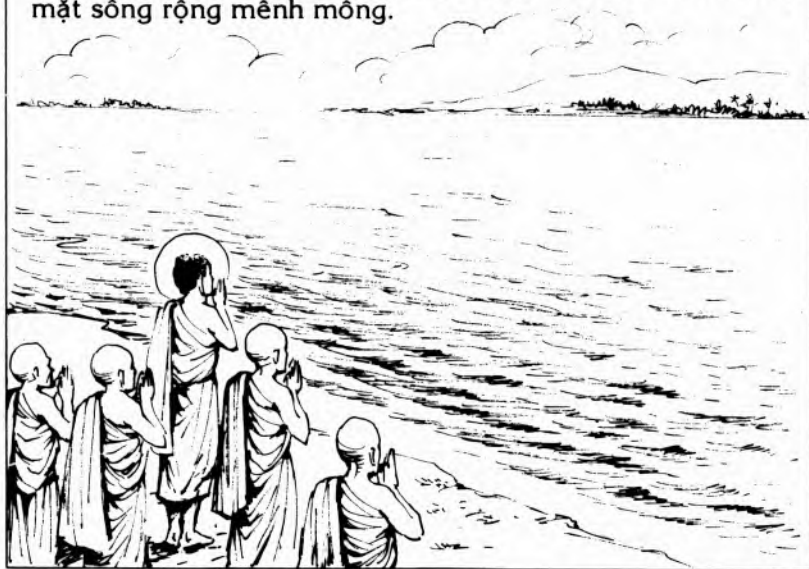


Lúc tiễn Phật và chư tăng ra về, hai đại thần đi sau lưng Ngài, nói.

Hôm nay, Thế Tôn đi ra cửa nào thì cửa đó được đặt tên là cửa Gotama, đi qua sông bên nào thì bên ấy sẽ được đặt tên là bến ...sông Gotama

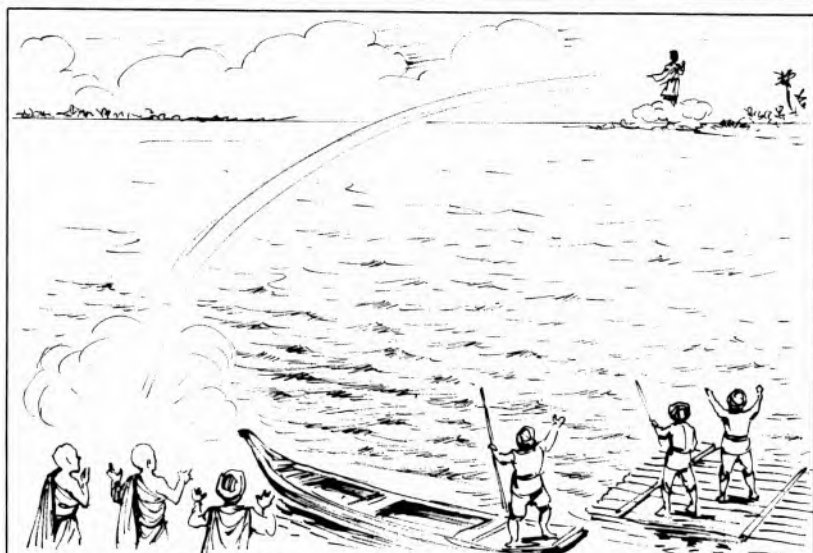


Phật đến Pataliputta⁵ gần sông Hằng. Vào lúc nước lớn, mặt sông rộng mênh mông.





Lúc đó có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi kết bè để sang sông.



Nhanh như một lực sĩ co cánh tay đang đuổi, Phật biến mất ở bờ bên này và xuất hiện ở bờ bên kia.

Bấy giờ Phật ca ngợi những người xây dựng các cây cầu bắc ngang qua sông.



Sau đó Phật và các tỳ kheo đến làng Kotigama⁶, trú tại căn nhà gạch ở Nadika⁷. Rồi lại đến vườn xoài của bà Ambapali ở Tỳ-xá-ly⁸.

Lúc ấy bà Ambapali nghe được tin đó, bèn leo lên xe, phóng thật nhanh.

Đến vườn xoài !
Mau lên !



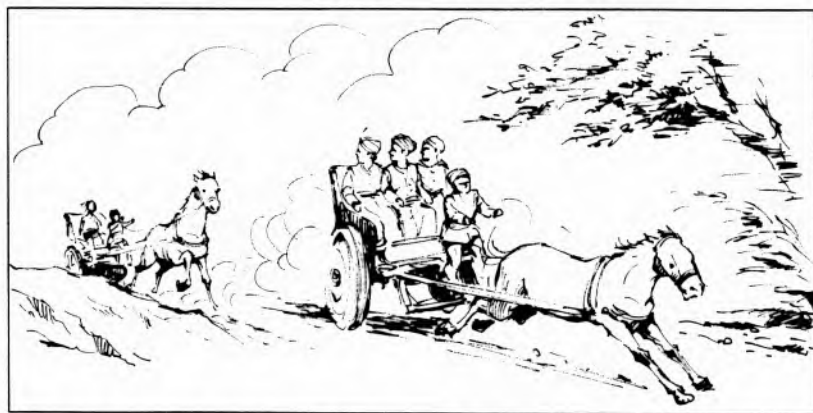
Tới đó bà cho xe chạy tuốt vào vườn rồi xuống xe đi bộ, đến đánh lễ Phật.

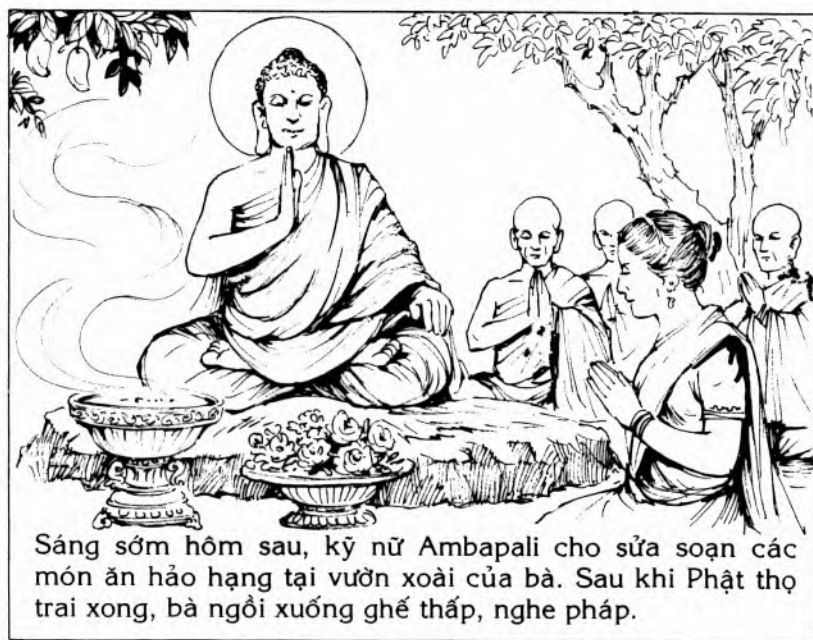


Phật thuyết giảng cho bà nghe. Cuối bài giảng, bà được Phật nhận lời mời dùng cơm vào hôm sau.

Những người Licchavi nghe tin Phật đến nơi này, liền cho cả một đoàn xe chạy như bay tới vườn xoài. Nhưng xe của họ đụng phải xe của bà Ambapali đang trên đường về nhà.



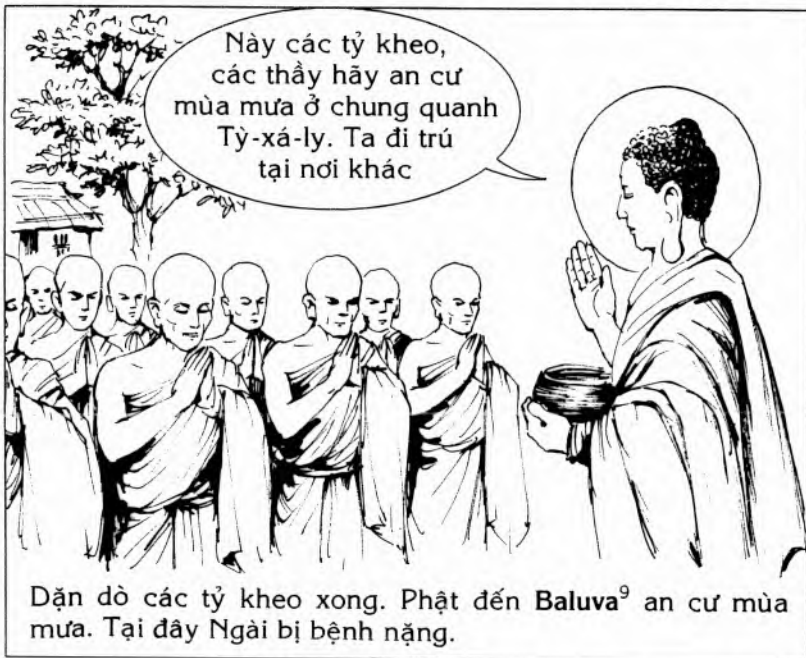




Sau khi Phật giảng xong, bà Ambapali nói.

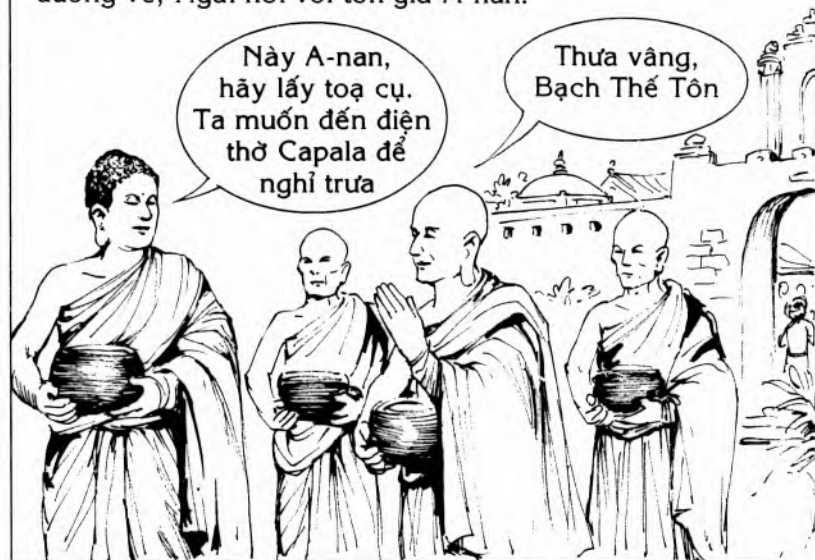


Này các tỷ kheo,
các thầy hãy an cư
mùa mưa ở chung quanh
Tỳ-xá-ly. Ta đi trú
tại nơi khác





Khi lành bệnh, Phật vào thành Tỳ-xá-ly khát thực. Trên đường về, Ngài nói với tôn giả A-nan.



Tại điện thờ Capala, Phật nói với A-nan :

— *Này A-nan, khả ái thay thành Tỳ-xá-ly ! Khả ái thay, điện thờ Udena ! Khả ái thay điện thờ Gotamaka ! Khả ái thay điện thờ Sattambaka ! Khả ái thay điện thờ Bahuputta ! Khả ái thay điện thờ Sarandada ! Khả ái thay điện thờ Capala. Này A-nan, ai đã tu bốn thần túc*, tu tập nhiều lần thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững... thì nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.*

Này A-nan, Như Lai đã tu được như thế, cho nên nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Thấy Phật bệnh, ông A-nan rất lo lắng, đầu óc ông bối rối, không tìm được lời đối đáp, vì trong thâm tâm, ông không hề nghĩ rằng Đức Thế Tôn lại có thể “diệt độ”. Cho nên mặc dầu Phật nhắc lại “các khả ái” và việc “nếu muốn thì có thể sống thêm” tới lần thứ 3, tôn giả A-nan vẫn không nhận ra điều đó !

Thế rồi Phật nói tiếp :

— *Này A-nan, bây giờ thầy hãy đi làm các việc của thầy đi !*

Khi tôn giả A-nan rời Phật chưa bao lâu thì Ác Ma xuất hiện, nói với Phật :

* *Thần túc* : Quyền năng siêu nhiên đi như bay, không bị trở ngại bởi bất cứ việc gì. Đây là một trong sáu pháp thần thông mà sách Phật nói đến.

— Bạch Thế Tôn, nay đã đến lúc Thế Tôn diệt độ. Vậy thì Thế Tôn hãy diệt độ đi ! Trước đây Thế Tôn đã từng nói : *“Ta sẽ không diệt độ khi nào các tỳ kheo, các tỳ kheo ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ của ta chưa trở thành những đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì chánh pháp và thành tựu chánh pháp.”*

Bạch Thế Tôn, hiện nay các tỳ kheo, tỳ kheo ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ của Thế Tôn đều là các đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì chánh pháp và thành tựu chánh pháp rồi. Vậy thì Thế Tôn hãy sớm diệt độ đi !

— *Này Ác Ma, ngươi hãy tin rằng : Như Lai sẽ diệt độ. Sau 3 tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.* — Phật nói.



Khi tôn giả A-nan trở lại, Phật nói :

— *Này A-nan, hôm nay, tại đây, tại điện thờ Capala này, Như Lai đã tuyên bố từ bỏ thọ, hành.* Sau ba tháng nữa Ta sẽ nhập Niết bàn.*

Tôn giả A-nan kinh hãi, nói :

— Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích và hạnh phúc của chúng sanh, vì hạnh phúc và lợi ích của loài Trời và loài Người.

— Thôi đi, này A-nan, đừng có thỉnh cầu Như Lai nữa. *Đã trễ rồi.*

Sau khi tôn giả A-nan lập lại lời cầu xin “Thế Tôn hãy sống thêm” tới lần thứ 3, Phật nói :

— *Này A-nan, sao thầy làm phiền Như Lai nhiều quá vậy ? Trước đây Như Lai đã gợi ý đến 3 lần mà thầy không nhận thấy. Lúc đó, nếu thầy nói lên lời thỉnh cầu 3 lần thì có thể Như Lai sẽ nhận lời rồi. Nay, Như Lai đã nói một cách dứt khoát rằng : “Như Lai sẽ diệt độ sau 3 tháng bắt đầu từ hôm nay” thì có lý đâu Như Lai lại phản lại lời tuyên bố của mình ?*



* Không duy trì mạng sống nữa.



TẠI RỪNG ĐẠI LÂM¹⁰, Thế Tôn căn dặn A-nan đi mời các
tỷ kheo sống gần Tỳ-xá-ly đến họp. Khi tất cả đã đầy đủ,
Phật nói :



Sáng hôm sau, Phật đắp y vào thành Tỳ-xá-ly khát thực. Lúc trở về, Ngài nói.

Này A-nan, đây là lần cuối, Ta nhìn thành Tỳ-xá-ly. Thôi, chúng ta hãy đến Bhandagama

Thưa vâng, Bạch Thế Tôn



Phật thuyết pháp tại Bhandagama¹¹ một thời gian rồi đến Hatthigam¹², Ambagama¹³, Jambugama¹⁴ và Bhoganagara¹⁵. Sau đó Phật đến Pava¹⁶ trong vườn xoài của người thợ rèn Cunda.

2. Dĩa nấm độc

Trong bữa cơm do người thợ rèn khoản đãi có một món nấm độc mà ông ta không biết.

Này Cunda,
món nấm này
đã được làm xong.
Hãy dành riêng cho Ta.
Còn các món khác
thì đãi các
tỷ kheo

Thưa
vâng,
bạch Thế
Tôn



SAU BỮA ĂN



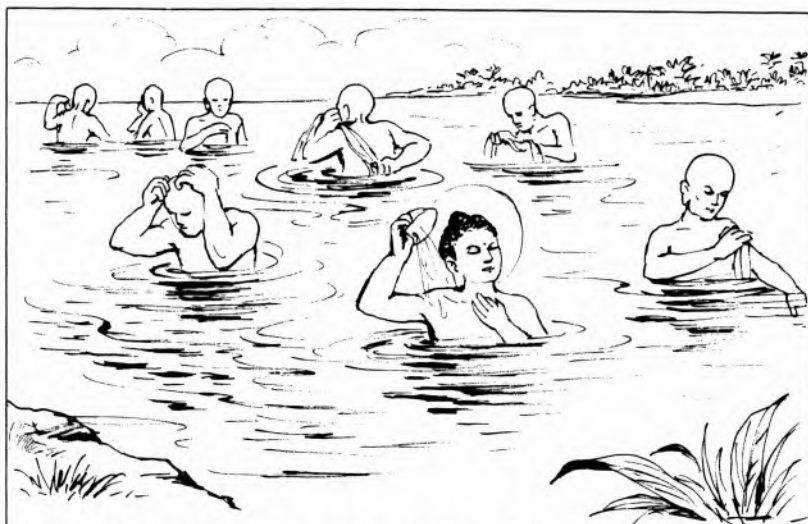
Một lát sau, Phật bị đau bụng dữ dội, bèn bảo A-nan đưa Ngài đến Kusinara. Nhưng vừa đi được vài bước thì phải dừng lại tại một gốc cây.





Phật thúc giục đem nước đến lần thứ ba, A-nan mới chịu bước tới bờ con rạch nhỏ. Lạ thay ! Nước trong veo.



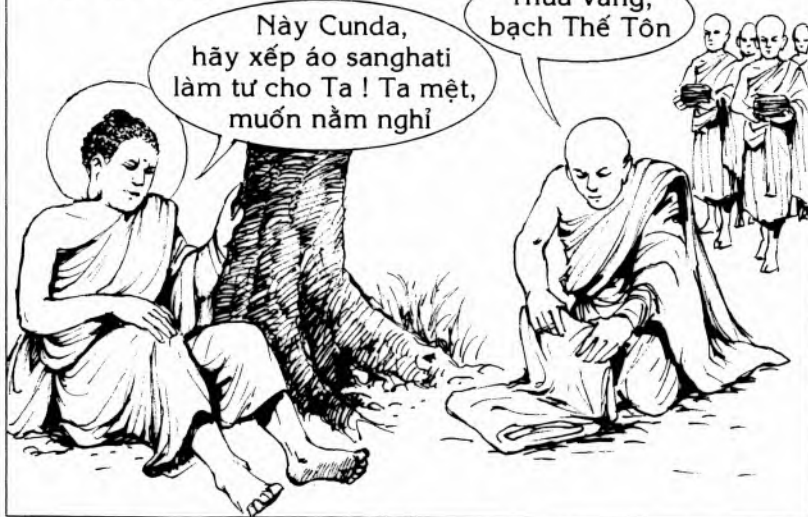


Sau đó Phật cùng với các tỷ kheo đến sông **Kakuttha**¹⁷, xuống tắm và uống nước.

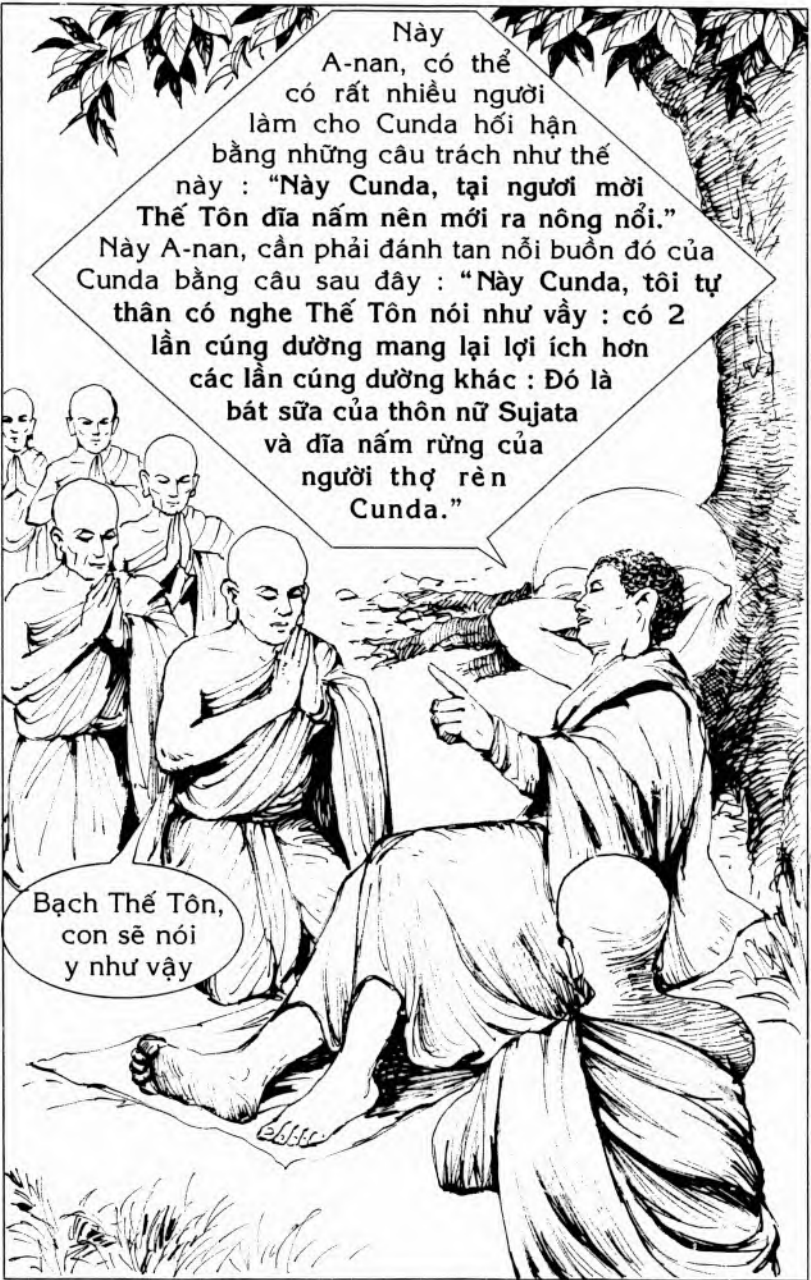
Mọi người lội qua bờ bên kia, đi tới rừng xoài. Tại đây Phật nói với tỷ kheo Cunda*.

Này Cunda,
hãy xếp áo sanghati
làm tư cho Ta ! Ta mệt,
muốn nằm nghỉ

Thưa vâng,
bạch Thế Tôn



* Em ruột của trưởng lão Xá-lợi-phất.



Này
A-nan, có thể
có rất nhiều người
làm cho Cunda hối hận
bằng những câu trách như thế
này : “Này Cunda, tại người mời
Thế Tôn đĩa nấm nên mới ra nông nổi.”
Này A-nan, cần phải đánh tan nỗi buồn đó của
Cunda bằng câu sau đây : “Này Cunda, tôi tự
thân có nghe Thế Tôn nói như vậy : có 2
lần cúng dường mang lại lợi ích hơn
các lần cúng dường khác : Đó là
bát sữa của thôn nữ Sujata
và đĩa nấm rừng của
người thợ rèn
Cunda.”

Bạch Thế Tôn,
con sẽ nói
y như vậy

Rồi Phật cùng với các tỷ kheo sang bên kia sông Hirannavati¹⁸, gần Kusinara¹⁹, giữa rừng cây sala của bộ tộc Malla.

Này A-nan,
hãy trải chỗ nằm,
đầu hướng về phía
Bắc giữa hai cây
sala song thọ.

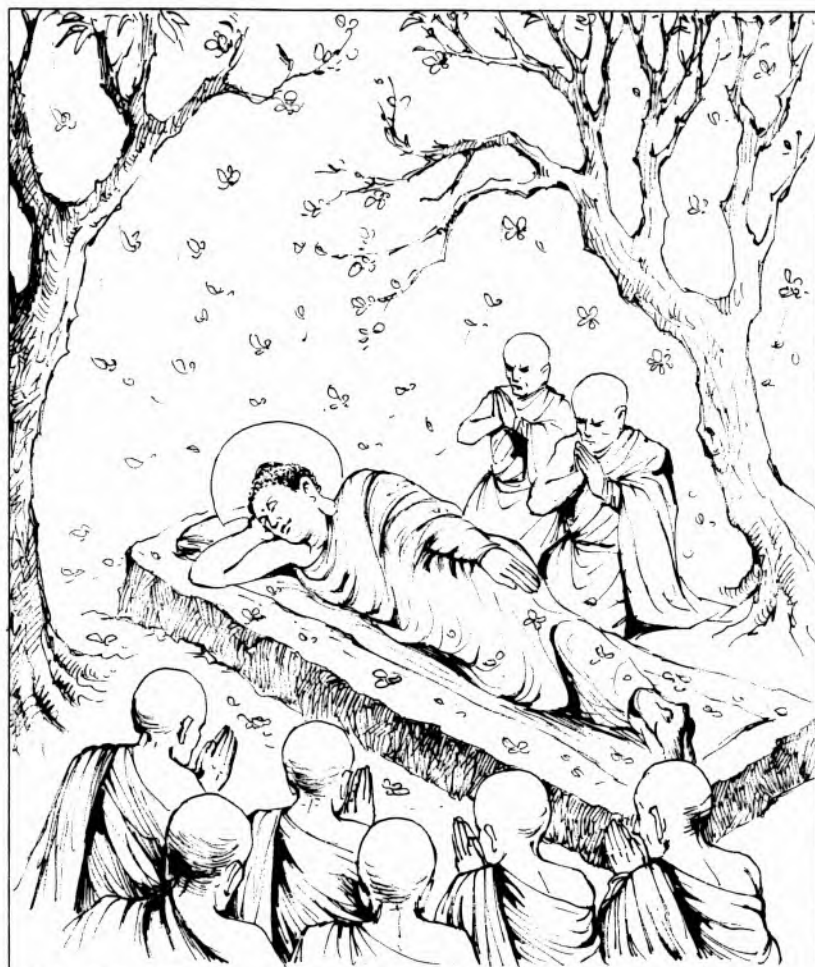
Thưa vâng,
bạch Thế Tôn





A-nan soạn chỗ như lời Phật dạy. Phật nằm nghiêng về phía bên phải, hai chân để lên nhau.

3. Phật nhập Niết bàn



Lúc bấy giờ cây sala song thọ trở hoa trái mùa*. Hoa rơi rụng, gieo trên thân Như Lai như để cúng dường Ngài.

* Cây sala song thọ trở hoa trái mùa tức là vào khoảng tháng 2 âm lịch.

Thấy Phật bị mệt, tôn giả Upavana liền đứng ra quạt cho Phật được mát, nhưng ông bị Phật rầy.

Này Upavana,
hãy đứng sang một
bên, chớ có đứng
trước mặt Ta !

Bạch Thế Tôn,
vì sao hôm nay
Thế Tôn rầy la
Upavana ?



Thiên thần
khắp mười phương
thế giới đang than rằng :
Như Lai sắp diệt độ mà
vị này đứng áng như vậy
thì chúng ta làm sao
chiêm ngưỡng
Như Lai ?



Bấy giờ A-nan đi vào nhà trong, dựa đầu vào cột cửa mà khóc.

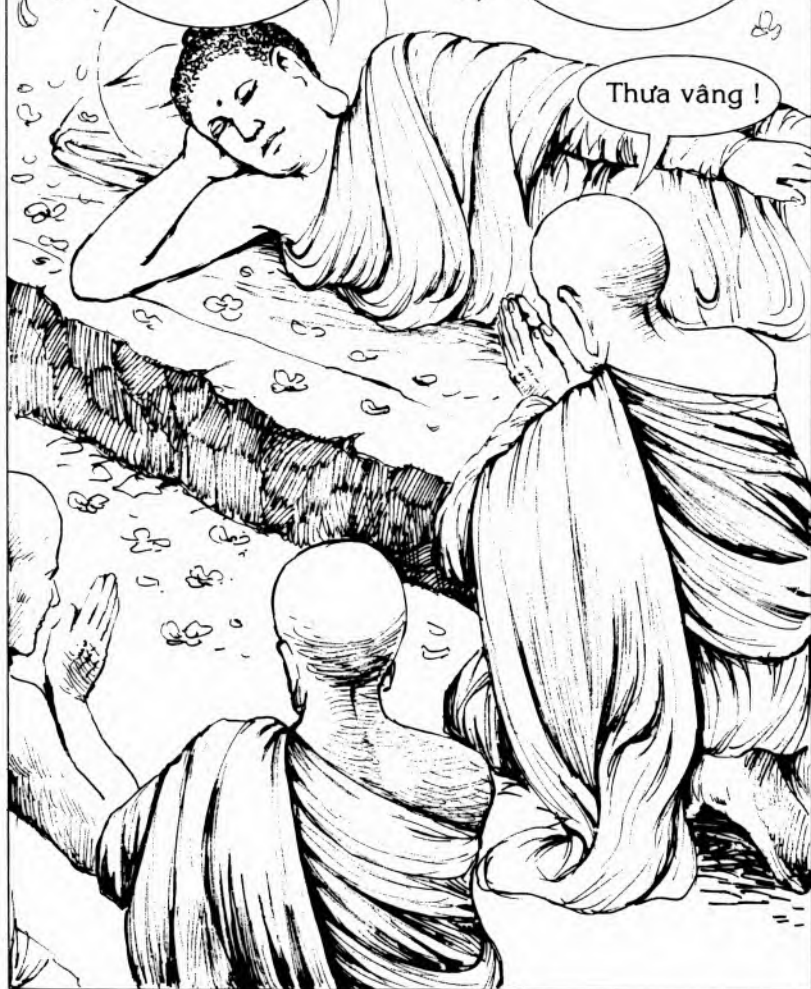


* Các quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất lai là những quả vị hữu học, nghĩa là người đã chứng ba quả đó còn phải học, phải tu dưỡng liên tục.

Này A-nan !
Thầy chờ có khóc !
Ta chẳng từng nói : “ Mọi
vật có sanh thì có tử. Hãy
tinh tấn lên ! Thầy sẽ
chứng quả Thánh.
Chẳng lâu đâu !

Này A-nan,
hãy vào làng
Kusinara nói với dân
Malla rằng : “ Vào canh
cuối cùng của đêm
nay, Như Lai sẽ
diệt độ.”

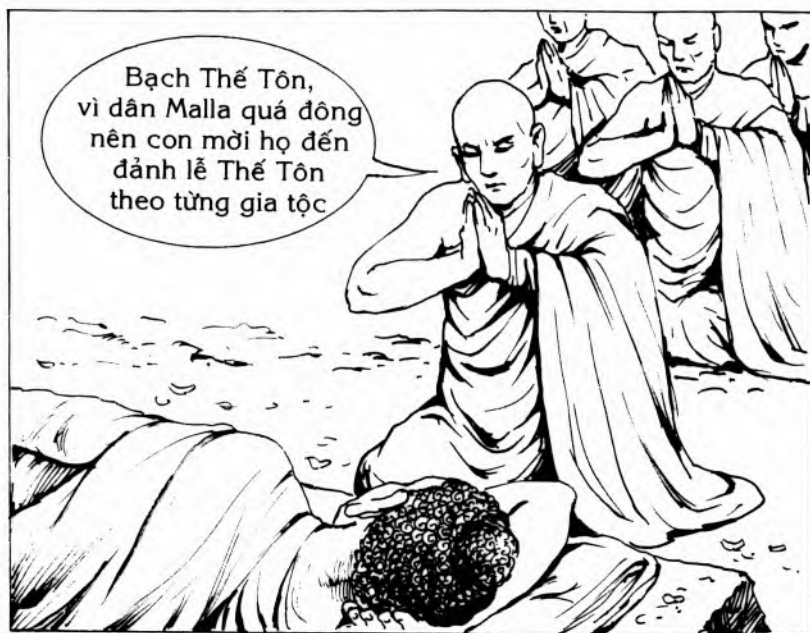
Thưa vâng !



Nghe tin chẳng lành, dân Malla sầu muộn, khóc than và kéo nhau đi gặp Phật.

Thế Tôn
nhập Niết-bàn
quá sớm ! Thiên nhân
biến mất trên đời
quá sớm





Lúc bấy giờ du sĩ ngoại đạo Subhadda (ở tại Kusinara) nghe tin Phật sắp diệt độ thì liền chạy đến.



Du sĩ ngoại đạo nài nỉ hai ba lần và đều bị từ chối. Khi đó Phật lên tiếng.



Phật thuyết pháp cho du sĩ Subhadda nghe. Để chấm dứt bài giảng, Ngài đọc lên bài kệ.

Này Subhadda, năm hai mươi chín,
Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm*,
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức**.



* Phật xuất gia năm 29 tuổi. Tu khổ hạnh 6 năm. Đắc đạo năm 35 tuổi. Đi giảng đạo khắp vùng Đông Bắc Ấn trong 45 năm, và nhập diệt lúc 80 tuổi. Về thời gian Phật dạy đạo, có vài sách ghi là 49 năm. Sự sai biệt này có lẽ do cách tính lịch xưa và "lịch Tây". Hy vọng một ngày nào đó sẽ có các học giả giải rõ ràng chi tiết này.

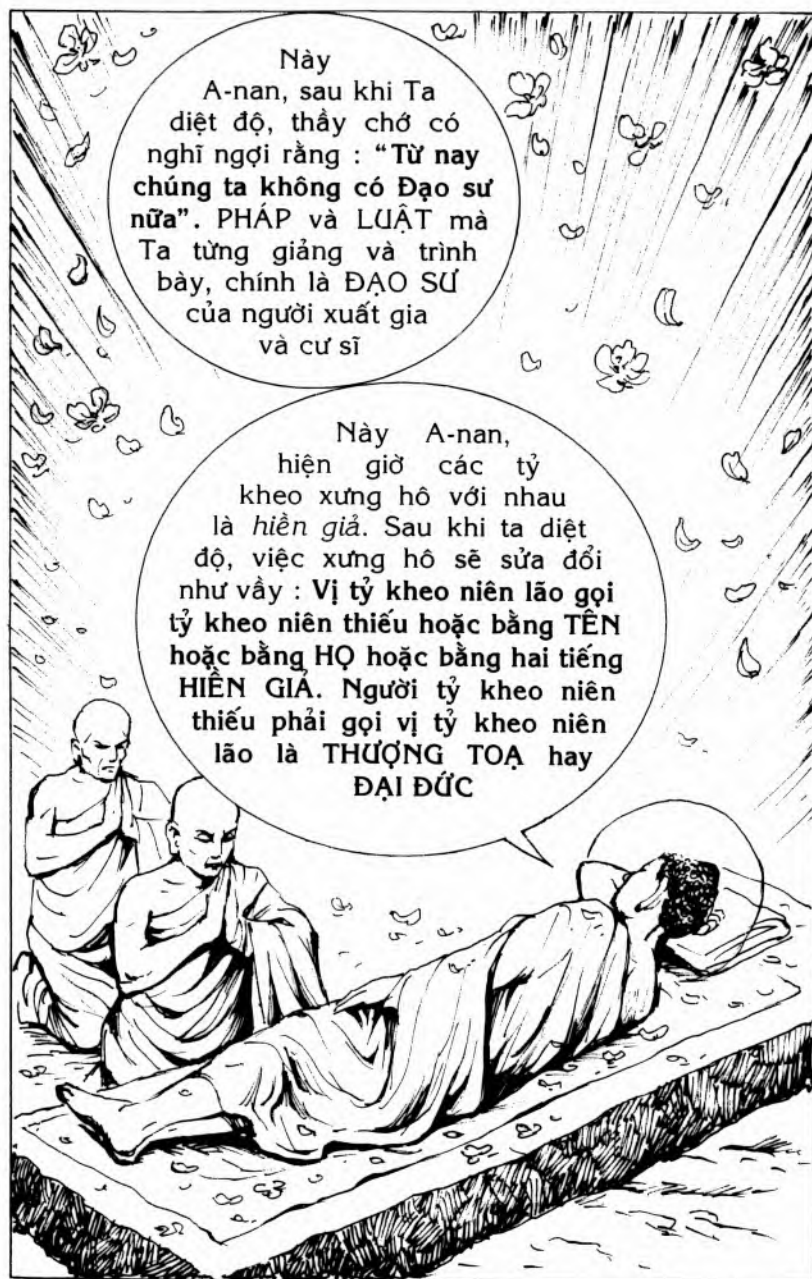
** Bài kệ này trích trong Kinh Trường Bộ.



Theo luật, du sĩ ngoại đạo phải trải qua 4 tháng thử thách và phải được tăng chúng chấp thuận thì mới được thọ giới tử kheo, nhưng vì thời gian gấp rút nên Phật đã đặc cách cho Subhadda.



Như thế, Subhadda là đệ tử cuối cùng của Phật trong kiếp cuối cùng của Ngài. Một thời gian sau, Subhadda đắc quả A-la-hán.

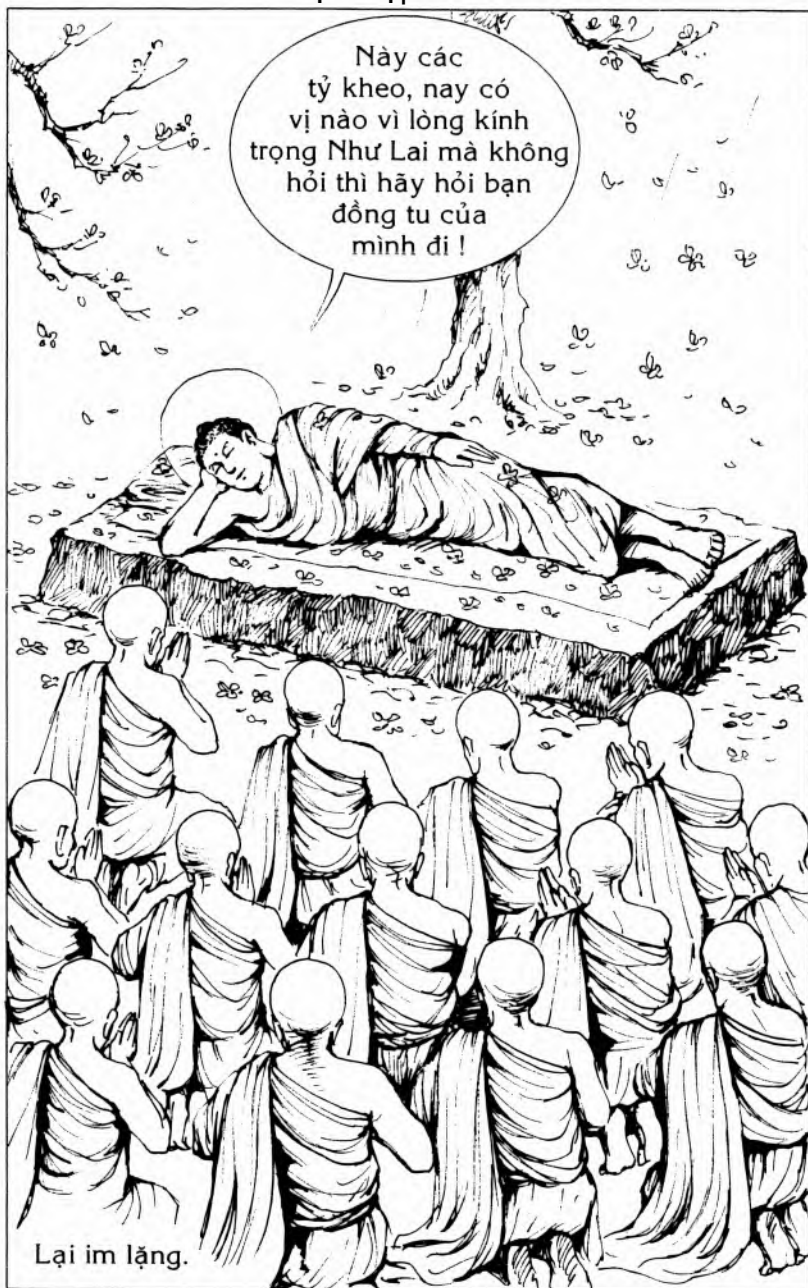




* Channa là tên của người đánh xe cho Thái tử Tất Đạt Đa thuở xưa. Từ khi quy y, ông này nhập với 5 tỷ kheo khác thành "nhóm 6 tỷ kheo ưa tranh cãi". Sau lúc bị "tẩy chay", Channa tỉnh ngộ, siêng năng tu hành, cuối cùng cũng được chứng quả A-la-hán. Channa có nghĩa là *tham muốn dục lạc*, dịch âm là Xa-nặc.







**NÀY CÁC TỬ KHEO,
NAY TA KHUYÊN CÁC THẦY :
CÁC PHÁP HỮU VI LÀ VÔ THƯỜNG.
HÃY TỈNH TẤN ! CHỚ CÓ
PHÓNG DẬT !**



Đó là những lời cuối cùng của bậc Đạo sư.

4. Lễ trà tỳ

Khi Thế Tôn diệt độ

1. Phạm thiên Sahampati thốt lên bài kệ này :

*Chúng sanh ở trên đời,
Từ bỏ thân ngũ uẩn.
Bậc Đạo sư cũng vậy,
Đấng Tuyệt luân trên đời.
Bậc Đại hùng Giác ngộ,
Như Lai đã diệt độ.*

2. Thiên chủ Sakka thốt lên bài kệ này :

*Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt.
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

3. Tôn giả A-na-luật thốt lên bài kệ này :

*Không phải thở ra vào.
Chánh tâm trú chánh định.
Không tham ái tịch tịnh,
Tu sĩ hướng diệt độ.
Chánh tâm tịnh bất động,
Nhẫn chịu mọi cảm thọ,
Như đèn sáng bị tắt,
Tâm giải thoát hoàn toàn.*

4. Tôn giả A-nan thốt lên bài kệ này :

*Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật râu tóc dựng ngược,
Khi Bạc Toàn thiện năng,
Bạc Giác ngộ nhập diệt.*

Các tử kheo chưa giải thoát tham ái : có người thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có người nằm lăn lộn ở dưới đất, trong khi đó, các tử kheo đã diệt trừ tham ái thì an trú chánh niệm, nhẫn nại suy tư : “*Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện này ?*”

Lúc bấy giờ tôn giả A-na-luật nói với các tử kheo :

— Thôi chớ có khóc than nữa ! Thế Tôn đã chẳng từng nói : “*Mọi vật có sanh thì có diệt.*” Hiền giả A-nan, hãy vào làng Kusinara báo tin đi !

Sáng hôm sau, dân Malla tiếp đón A-nan rồi ra lệnh cho các nô lệ của họ.



Dân Malla đánh lễ, cúng dường thân xá lợi của Thế Tôn với các điệu múa hát.



Vào ngày thứ 7, TÁM tộc trưởng của dân Malla gọi đầu, mặc áo mới, đến khiêng thân Như Lai ra ngoài thành phía Nam để hoả táng. Nhưng họ không khiêng nổi, bèn hỏi A-na-luật¹.



1. Người có “thiên nhãn đệ nhất”. Xin xem phần Thập Đại Đệ Tử của Đức Phật.



Sau khi quấn tròn thân Thế Tôn bằng vải mới, rồi kể đến là vải gai, người ta đặt thân Thế Tôn trên giàn hoả tại ngã tư đường.



Lại nói về trưởng lão Đại Ca-diếp đang trên đường từ Pava tới Kusinara cùng với 500 tỷ kheo. Dọc đường ngài ngồi nghỉ dưới một gốc cây.

Lúc đó có một ngoại đạo cầm một “cánh hoa trái mùa” ở Kusinara và đang trên đường đến Pava. Đại Ca-diếp hỏi.



Này hiền giả, hiền giả có biết sa môn Gotama không ?

Ngài Gotama diệt độ ở Kusinara, cách đây một tuần. Tôi lượm được cánh hoa này tại chỗ đó

Trong lúc các tỷ kheo khóc than thì tỷ kheo Subhadda nói tỏ ý vui mừng, vì từ nay ông không còn bị sa môn Gotama ràng buộc nữa. Trưởng lão Đại Ca-diếp nghe rõ cả nhưng ngài làm thinh, chỉ thúc hối mọi người nhanh chân đi đến Kusinara.

Trễ rồi !



Trong khi đó, tại rừng cây sala, BỐN vị tộc trưởng Malla cầm đuốc châm vào đàn hoả, họ hồi tôn giả A-na-luật.

Thưa tôn giả, vì sao đàn hoả không cháy ?

Chư thiên muốn chờ phái đoàn của tôn giả Đại Ca-diếp đến.



Vừa khi đó Đại Ca-diếp và 500 tỷ kheo đến nơi. Lúc phái đoàn này đánh lễ xong thì đàn hoả tự bắt lửa mà cháy. Nhục thân của Thế Tôn cháy hết, rất ít tro. Phần xương và răng thì còn lại.



Người Malla ở Kusinara đặt xá lợi của Thế Tôn trong giăng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành chung quanh và suốt trong 7 ngày đêm, họ đánh lễ, cúng dường với các điệu múa hát, vòng hoa, hương thơm.

Vua A-xà-thế của nước Ma-kiệt-đà, những người Licchavi ở Tỳ-xá-ly, bộ tộc Sakya ở Ca-tỳ-la-vệ II, người Buli ở Allakappa, người Koli ở Ramagama, người Bà-la-môn ở Vethadipaka, người Malla ở Pava... đều tự mình hoặc cử sứ giả của mình đến, yêu cầu được chia xá lợi của Phật để đem về thờ cúng.

Bấy giờ người Malla ở Kusinara tuyên bố rằng :

— Thế Tôn diệt độ tại đất của chúng tôi, chúng tôi không chia xá lợi của Ngài cho ai cả.

Giữa lúc bầu không khí bắt đầu “nóng lên”, có thể dẫn đến chiến tranh, thì ông Dona một nhân sĩ Bà-la-môn, đứng ra can gián :

*Quý tôn giả, hãy nghe tôi nói,
Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn.
Thật không tốt, nếu có tranh giành,
Khi chia xá lợi bậc Thượng nhân.
Chúng ta hãy kết đoàn nhất tâm,
Hoan hỷ chia xá lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương,
Đại chúng muôn phương tin Pháp nhẫn.*

Mọi người đồng ý trước lời đề nghị của ông Dona. Thế là ông này cầm lấy một cái bình và đong xá lợi của Phật, rồi chia đều cho 8 sứ giả.

Xong, ông từ tốn nói :

— Thưa các tôn giả, xin hãy cho tôi cái bình này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ thờ cái bình.

Mọi người hân hoan đồng ý.

Vừa khi đó phái đoàn của bộ tộc Moriya ở Pipphalivana lại đến xin xá lợi. Họ được người Malla ở Kusinara trao cho một ít tro ở giàn hỏa, vì xá lợi đã được phân chia hết cả rồi.

Tóm lại, trên thế giới có 10 nơi dựng tháp thờ xá lợi của Phật hoặc kỷ vật (cái bình không). Đó là :

1. Vua A-xà-thế của nước Ma-kiệt-đà.
2. Bộ tộc Licchavi ở Tỳ-xá-ly.
3. Bộ tộc Sakya ở Ca-tỳ-la-vệ II.
4. Bộ tộc Buli ở Allakapa.
5. Bộ tộc Koliya ở Ramagama.
6. Một Bà-la-môn ở Vethadipaka.
7. Bộ tộc Malla ở Pava.
8. Bộ tộc Malla ở Kusinara.
9. Bộ tộc Moriya ở Piphalivana (thờ tro).
10. Bà-la-môn Dona (thờ cái bình đựng xá lợi).

Cho đến nay, hai trong số mười bình đó đã được tìm thấy và được các nhà khảo cổ quan sát : cái bình nhỏ, hình cầu với lời ghi chú của người mộ đạo trên nắp (mà ngày nay bộ tộc Sakya làm lễ nhập tháp ở Ca-tỳ-la-vệ II) được đặt trong bảo tàng quốc gia Ấn Độ tại Calcutta. Trong bình này không có xá lợi vì xá lợi đã được đem tặng cho vua Thái Lan nhiều thập niên về trước.

Còn cái bình đầy kín mà người Licchavi đã bảo tồn phần xá lợi dành cho họ, được đào lên tại Tỳ-xá-ly năm 1958. Bình này chứa phần di cốt tro cùng nhiều vật khác và ngày nay thuộc quyền giám hộ của Ban Khảo Cổ và Bảo tàng chính phủ nước Bihar ở Patna.



Bình xá-lợi ở Piprava

Cách ghi chú theo chữ Brahmi trên nắp bình tìm thấy ở Piprava là cách ghi chú cổ nhất còn lưu truyền ở Ấn-độ.

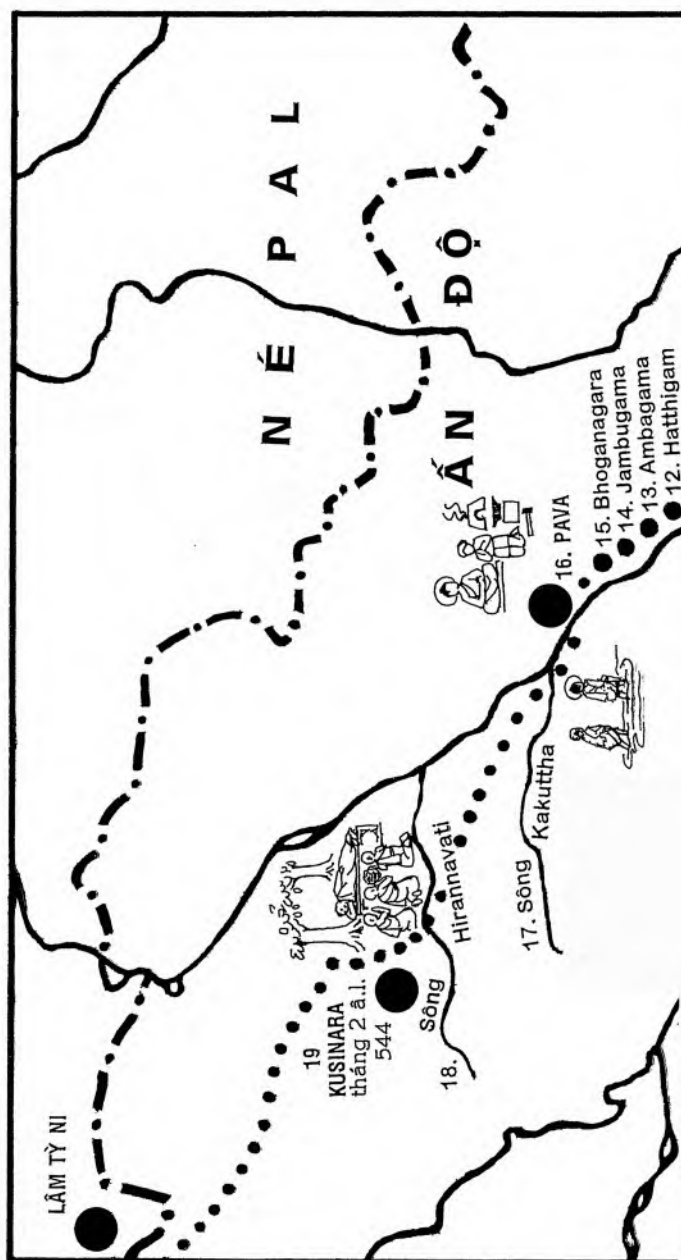
Bản dịch : Bình này đựng xá-lợi của Đức Phật Thế Tôn bộ tộc Sakya do Sukiti cùng các anh, chị, em, vợ, con cúng dường

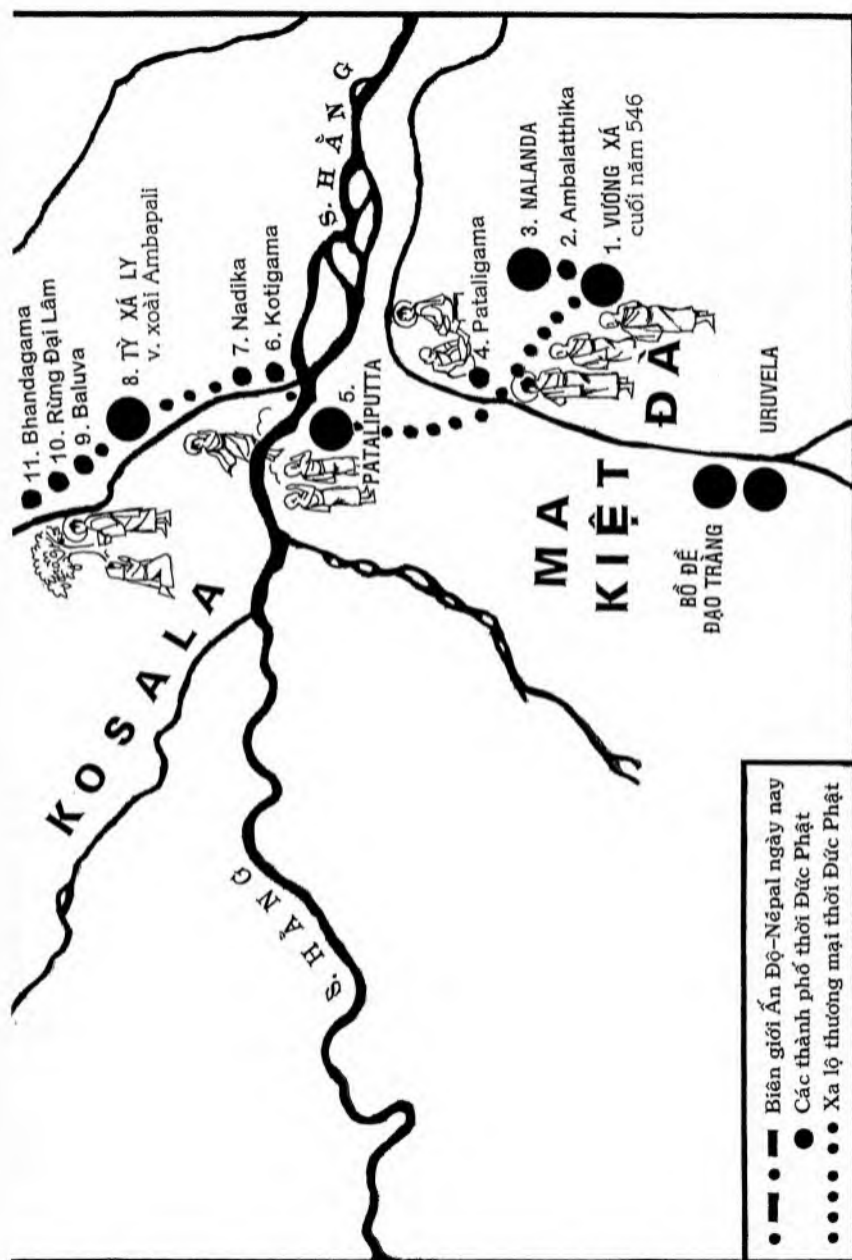
45 MÙA AN CƯ KIẾT HẠ

Năm trước Tây lịch	Năm truyền đạo	Địa điểm an cư kiết hạ	Thuộc về vương quốc
589	1	Vườn Nai, gần Ba-la-nại	Kosala
588-586	2-4	Vương Xá	Ma-kiệt-đà
585	5	Tỳ-xá-ly (15 ngày rồi về lại Vương Xá)	Licchavi
584	6	Núi Mankula	Vamsa
583	7	Cõi trời 33	(huyền thoại)
582	8	Núi Cá Sấu (Tượng đá Samsumara)	Vamsa
581	9	Kosambi	Vamsa
580	10	Rừng Parileyya	Vamsa
579	11	Nala (gần Gaya)	Ma-kiệt-đà
578	12	Veranja, phía Nam Xá Vệ	Kosala
577	13	Núi Calika	Ma-kiệt-đà
576	14	Xá Vệ	Kosala
575	15	Ca-tỳ-la-vệ	Sakya
574	16	Alavi (phía Bắc Ba-la-nại)	Kosala
573	17	Vương Xá	Ma-kiệt-đà
572-571	18-19	Núi Calika	Ma-kiệt-đà
570	20	Vương Xá	Ma-kiệt-đà
569-546	21-44	Xá Vệ	Kosala
545	45	Tỳ-xá-ly	Licchavi

Bản đồ 4: Theo dấu chân Phật

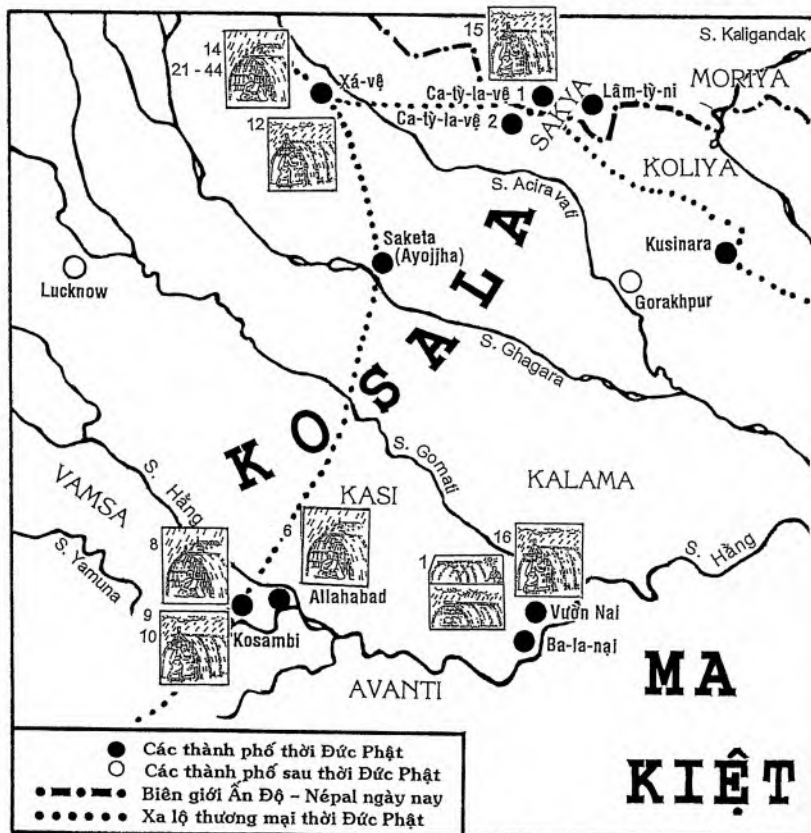
CHUYẾN ĐI CUỐI CÙNG





Bản đồ 5:

45 MÙA AN



"Các am thất do chính các tỷ kheo xây chỉ cao vừa đủ để ngồi và dài vừa đủ để nằm. Về sau giới cư sĩ xây dựng và cúng dường chư Tăng các am thất cũng với vật liệu ấy, nhưng cao rộng hơn, có thể đứng thẳng người; vài cây sào tre được uốn cong để hai đầu có thể đóng xuống đất thành một hàng. Các vòng cung ấy được kết liên bằng các cây sào nằm ngang. Mái vòm được che phủ bằng lá, cỏ hay cỏ. Bằng cách này họ đã tạo ra một kiểu kiến trúc Phật giáo điển hình với cổng vào có nóc nhọn, mái vòm và nội thất tròn, kiểu nhà này về sau được thiết kế bằng gỗ.

Khí tỷ kheo Dhanīya vốn quen nghề làm đồ gốm trước kia, đã tự xây cho mình một căn lều hình bán cầu bằng đất sét... rồi nung lửa bên trong, tạo nên một kiểu lều gạch vững chắc, Phật không đồng ý và ra lệnh đập bỏ. Ngài không chỉ muốn cấm tục lệ đốt lửa giết hại nhiều sinh vật nhỏ, mà có lẽ Ngài còn muốn ngăn tỷ kheo Dhanīya biến nơi ấy thành một trú xứ vĩnh viễn, vì vị ấy đã ở đó gần một năm.

Các số A-rập và khung hình cho biết Đức Phật an cư mùa.

Theo dấu chân Phật

CƯ KIẾT HẠ



Một số vị Tỷ kheo khôn ngoan hơn Dhanīya đã xây lều trên sườn núi Isigili (Thánh Sơn, gần Vương Xá) và hạ chúng sau mùa mưa. Ngày nay chúng ta khá ngần ngại khi dùng từ "tĩnh xá" dành cho loại lều lá, cỏ, quá sơ sài, dễ hư hỏng ấy; song đó chính là *danh từ* được dùng trong Kinh Tạng Pali.

Về sau các thí chủ cũng cho xây các giảng đường, phòng họp. Đặc biệt, các giảng đường ấy theo thời gian tiến triển dần thành những kiến trúc vững chắc hơn: kèo, cột gỗ thay sào tre, song vẫn giữ mái vòng cung.

Việc xây dựng các kiểu nhà vững chắc cứ tăng dần, kết quả là một số các tỷ kheo vẫn ở lại trong tĩnh xá sau mùa mưa. Đức Phật không cấm điều này, mặc dù Ngài không hài lòng với những cách tự tách rời ra khỏi nếp sống của sa môn như vậy. Song chính Ngài cũng chấp nhận một tục lệ khác cứ len lỏi vào, đó là *thường an cư kiết hạ ở cùng một địa điểm và ưu tiên chọn cùng một tĩnh xá như cũ*: trong 25 năm cuối cùng của Phật, Ngài nhập hạ tại các tĩnh xá ở Xá Vệ tới 24 lần". (Đức Phật Lịch sử, trang 401)

mùa tại đầu, vào năm nào trong 45 năm hoằng pháp của Ngài.

Bảng tóm lược cuộc đời của Phật Thích-Ca

Năm trước Tây lịch	Tuổi đời	NHỮNG VIỆC XẢY RA TRONG 35 NĂM ĐẦU TIÊN CỦA THÁI TỬ TẮT-ĐẠT-ĐA
624		 Ngày rằm tháng 4 âm lịch năm 624, Thái tử Tắt-Đạt-Đa ra đời tại vườn Lâm-tỳ-ni.
615	9	 Thái tử Tắt-Đạt-Đa cứu sống con thiên nga bị trúng tên ★ Đi dự lễ cày ruộng với vua cha.
608	16	 Thái tử Tắt-Đạt-Đa cưới công chúa Da-du-đa-la.
595	29	 Công chúa Da-du-đa-la sinh ra La-hầu-la ★ Cùng ngày đó, Thái tử Tắt-Đạt-Đa xuất gia.
590	34	Sa môn Gotama thành Phật vào ngày rằm tháng 12 âm lịch năm 590 : lúc đó Ngài 34 tuổi 8 tháng.

Năm trước Tây lịch	Tuổi đời	Năm làm việc	NHỮNG VIỆC QUAN TRỌNG TRONG 45 NĂM HOÀNG PHÁP CỦA PHẬT THÍCH CA	
589	35	1	Ngày rằm tháng 2 âm lịch năm 589, Phật giảng bài pháp đầu tiên cho "nhóm ông Kiều-trần-như" tại Vườn Nai ★ Tiếp đó Phật quy y cho Yasa và 54 bạn hữu của chàng ★ Rồi 30 thanh niên giác ngộ ★ Rồi 3 ông Ca-Điếp.	
588	36	2	Vua Tần-ba-sa quy y tam bảo ★ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên trở thành đại đệ tử thứ nhất và thứ nhì của Phật	
587	37	3	Phật trở về cố hương lần thứ nhất : Nanda, La-hầu-la xuất gia ★ Người thợ cắt tóc Upali và 6 thanh niên đồng họ Thích Ca "chạy theo Phật" ★ Quan ngự y Jivaka, triệu phú Cấp-Cô-Độc, tôn giả Đại Ca-Điếp ★ Vua Ba-tư-nặc quy y tam bảo.	
586	38	4	Phật cho Sunita - người gánh phân - gia nhập Giáo hội.	
585	39	5	Tôn giả A-nan trấn áp bệnh dịch hạch ở nước Licchavi ★ Phật trở lại cố hương lần thứ nhì : vua Tịnh-Phạn băng hà ★ Bà Gotami và một số nữ nhân hoàng tộc xuất gia : Phật thành lập Giáo-hội tỷ kheo ni.	
584	40	6	Phật sử dụng thần-thông thu phục người khác đạo (xem Tiền thân đức Phật số 483).	
583	41	7	Phật lên cõi trời Đạo lợi thuyết pháp cho chư Thiên nghe ★ Bà Maha Maya (mẹ ruột của Thái tử Tắt-Đạt-Đa) được Phật độ, đắc quả Dự lưu.	
581	43	9	Thư phi Magandhi xui một số người xua đuổi Phật ra khỏi thành Kosambi.	
580	44	10	Sau khi xảy ra vụ "cái ghè nước" ở Kosambi, Phật an cư kiết hạ một mình tại rừng Parileyya của nước Vamsa, có voi chúa và khi chúa đến hầu.	

579	45	11	Người điển chủ Bà-la-môn Bharadvaja ở nước Ma-kiet-đa từ chối cúng dường một chén cơm cho Phật (về sau, ông này quy y, trở thành tỳ kheo).	
578	46	12	Phật gặp nạn đói tại Kosala, phải ăn cám ngựa.	
576	48	14	Phật gặp được 20 tuổi, trở thành tỳ kheo ★ Phật gặp lại nữ cư sĩ Visakha.	
575	49	15	Phật trở về cố hương lần thứ ba, hoà giải cuộc tranh chấp về nguồn nước của con sông Rohini giữa họ nội (Sakya) và họ ngoại (Koliya).	
574	50	16	Phật thu phục quỷ Alavaka, có tiếng là ưa ăn thịt người.	
570	53	20	Phật và tôn giả A-nan bàn việc may một kiểu áo cà sa ghép từ cả trăm mảnh vải (phước điền y).	
569	55	21	Phật nhận A-nan làm thị giả.	
568	56	22	Phật thủ phục tướng cướp Angulimala ★ Nhà tri thức Upali quy y Phật ★ Ngoại đạo giết cô Sundary rồi đổ tội cho các đệ tử của Phật ★ Có gái kiều diễm Cincu và các Phật và bị đất nuốt sống.	
554	70	36	Sức khỏe của Phật sút giảm ★ Tỳ kheo Đề-bà-đạt-đa muốn chiếm quyền lãnh đạo Giáo hội, bèn liên kết với thái tử A-xà-thế để mưu sát Phật và vua Tân-bà-sa.	
553	71	37	A-xà-thế mang guơm ngăn vào phòng riêng của vua cha, nhưng bị bắt ★ Vua Tân-bà-sa tha tội cho con và thoát vị.	
552	72	38	Ngay lúc vừa lên ngôi, vua A-xà-thế hạ lệnh nhốt và bỏ đói cha mình. Thái hậu Videhi lên đem thức ăn cho chồng, nhưng bị vua con ngăn cấm ★ Vua Tân-bà-sa băng hà và ngay tức khắc được lên cõi Phạm Thiên, làm Đề Thích Thiên chủ.	
551	73	39	Vết sự giúp đỡ của vua A-xà-thế, Đề-bà-đạt-đa tổ chức sát hại Phật, nhưng cả 3 lần đều thất bại ★ Đề-bà-đạt-đa buồn rầu, bị bệnh, chết mà không được gặp Phật ★ Vua Ba-tư-nặc nước Kosala đem binh đánh vua A-xà-thế trả thù cho em gái (bà Videhi) và em rể (vua Tân-bà-sa) : bắt sống được A-xà-thế những tha chết ★ Vua A-xà-thế nhờ quan ngự y Jivaka đưa ông đến gặp Phật để bày tỏ lòng ăn năn về tội bất hiếu ★ Phật nhận tội thay cho vua A-xà-thế.	
548	76	42	Thái tử Vidudabha, con của vua Ba-tư-nặc nước Kosala, bị dòng họ Thích Ca khinh khi ★ Lúc vua Ba-tư-nặc băng hà, Vidudabha lên ngôi, quyết tâm đánh nước Sakya để rửa nhục.	
546	78	44	Vua Vidudabha đem binh sang nước Sakya (tất cả 4 lần. Trong 3 lần đầu, Phật du hành ra tận chiến trường : Vidudabha kéo binh về. Lần thứ tư, Phật không can thiệp và thành Ca-tỳ-la-vệ bị binh địa vào năm 546.	
545	80	45	Cuối năm 546, từ thành Vương Xá của nước Ma-kiet-đa, Phật cùng với A-nan và vài đệ tử khác vượt sông Hằng, an cư mùa mưa cuối cùng tại Ty-xà-ly năm 545, sau đó tiếp tục đi lên miền Bắc.	
544*	80	45	Tháng 2 âm lịch năm 544, Phật nhập Niết-bàn tại Kusinara : Ngài trụ thế 80 năm.	

* Lịch Phật giáo lấy năm Phật nhập Niết-bàn làm mốc thời gian. Phật nhập Niết-bàn năm 544 trước Tây lịch, do đó năm 2000 của Tây lịch ứng với năm 2544 của Phật lịch. Lấy năm Tây lịch cộng với 544 sẽ ra năm Phật lịch. Lấy năm Phật lịch cộng với 80 sẽ ra "tuổi hiện giờ của Phật".

8. Các hội nghị kết tập kinh điển trong lịch sử Phật giáo

1. Kết tập lần thứ nhất : tại Vương Xá

Khi những ngày “bối rối” đã trôi qua, trưởng lão Đại Ca-diếp nhớ lại câu nói của tỷ kheo Subhadda* thốt ra lúc Phật vừa nhập diệt :

— Thôi, các hiền giả, chớ có sầu não ! Chúng ta đã thoát khỏi vị sa môn ấy rồi ! Từ bấy lâu nay, chúng ta đã bị ông ấy quấy rầy với những lời tương tự như : *“Các thầy không được làm như vậy, các thầy phải làm như vậy...”* Nay thì chúng ta có thể muốn làm gì thì làm.

Rất lo ngại trước tư tưởng vô kỷ luật đó, trưởng lão Đại Ca-diếp liền triệu tập các tỷ kheo lại, nói :

— Nay các tôn giả, nay chúng ta cần đọc lại các KINH và LUẬT của Thế Tôn với mục đích *không để cho một tà giáo nào, hay một tà giới nào lọt vào Giáo hội ; và cũng không để một người tà kiến nào lớn mạnh, trong khi các bậc đa văn, thông tuệ lại suy yếu.*

Mọi người đồng ý và yêu cầu trưởng lão sớm triệu tập một *Hội đồng kết tập*. Hội đồng này làm việc như sau :

1. Trưởng lão Đại Ca-diếp lần lượt nêu ra những câu hỏi về *LUẬT của Giáo hội* để tỷ kheo Upali trả lời.

* Ông này chỉ trùng tên thôi, chớ không phải là ông Subhadda được Phật độ vào những giây phút cuối cùng trước lúc Ngài nhập diệt.

2. Còn những câu hỏi về *KINH* hoặc về *Pháp thoại của Phật* thì sẽ được trưởng lão A-nan giải đáp.

Sau khi trưởng lão Upali hoặc trưởng lão A-nan trả lời xong mà hội đồng giữ im lặng thì *những lời dạy của Phật (do Upali hoặc A-nan vừa truyền đạt) được coi là chính xác, được công nhận làm Thánh điển.*

Các thuyết trình của trưởng lão Upali chính là bộ LUẬT căn bản, còn các thuyết trình của ông A-nan là Thánh Điển Ngũ Bộ (Trường Bộ kinh, Trung Bộ kinh, Tương Ưng Bộ kinh, Tăng Chi Bộ kinh và Tiểu Bộ kinh).

Thánh điển được các tỷ kheo HỌC THUỘC LÒNG chứ không được viết thành văn. Từ lần kết tập thứ ba, Thánh điển mới được viết trên lá bối.

2. Kết tập lần thứ nhì : tại Tỳ-xá-ly

Sau ngày Phật nhập diệt 100 năm, một số tỷ kheo ở Tỳ-xá-ly đưa ra 10 điều luật mới, đòi được thi hành.

1. *Diêm tịnh* : Thức ăn ướp muối để cách đêm, vẫn được ăn.
2. *Nhị chỉ tịnh** : Vào những lúc kim đồng hồ mặt trời vượt qua khỏi giờ Ngọ một quãng chưa dài quá hai ngón tay thì vẫn được phép ăn.
3. *Tụ lạc gian tịnh* : Tuy trước giờ Ngọ đã ăn một lần rồi, nhưng sau đó, vị tỷ kheo đi sang làng khác thì vẫn được phép ăn thêm một lần nữa.
4. *Trụ xứ tịnh* : Vị tỷ kheo đang ngụ tại đâu thì làm lễ bố tát** tại đó mà không bị kết tội là làm trái với giới luật.

* Khi bóng của cây gậy (được dùng làm đồng hồ mặt trời) chỉ vào "giờ Ngọ" thì có nghĩa là "hết giờ ăn rồi". Nếu vì bận công việc mà trước đó không kịp ăn thì phải nhịn đói cho tới hôm sau.

Những vị đưa ra đề nghị "*nhị chỉ tịnh*" là muốn được như sau : "Nếu bóng cây kim đồng hồ mặt trời vượt qua khỏi giờ Ngọ một quãng chưa dài quá hai ngón tay thì vẫn còn là giờ ăn được."

(Thời gian đề nghị được gia thêm này vào khoảng một tiếng đồng hồ).

** Cứ nửa tháng một lần (vào ngày rằm và ngày cuối tháng) tập họp các tỷ kheo lại, cùng nhau đọc tụng các giới-kinh.

5. *Tùy ý tịnh* : Mỗi khi một nghị quyết đã được đại hội thông qua thì nghị quyết đó phải được thi hành, (dù rằng nó được thông qua với số lượng người không nhiều).
6. *Câu trú tịnh* : Những việc nào đã có tiền lệ rồi thì cứ theo đó mà làm.
7. *Sinh hoà hợp tịnh* : Sau giờ ngộ vẫn được phép uống sữa pha loãng.
8. *Thuỷ tịnh* : Được phép uống rượu mới lên men pha loãng.
9. *Toạ cụ tịnh* : Được phép dùng toạ cụ có kích thước lớn hơn mẫu đã qui định.
10. *Kim tiền tịnh* : Được phép cất giữ tiền bạc.

Thấy vậy, trưởng lão Revata liền cử sứ giả đi vận động với giáo đoàn khắp nơi trong toàn xứ Ấn-độ, triệu thỉnh được 700 vị trưởng lão Thánh Tăng về Tỳ-xá-ly tham dự cuộc kết tập kinh điển lần thứ nhì.

Kết quả : Cả 10 điều “dự luật mới” đều không được hội đồng kết tập chấp thuận.

3. Kết tập lần thứ ba : tại Pataliputta

Sau ngày Phật nhập diệt 220 năm, trưởng lão Moggaliputta chủ trì cuộc kết tập kinh điển lần thứ 3 tại Pataliputta. Trong dịp này, TẠNG LUẬN đầu tiên được xuất hiện, tương truyền do ngài Moggaliputta biên soạn. Như thế là kể từ đó, Phật giáo có đủ TAM TẠNG*, tức là có đủ “3 cái giỏ” hoặc “3 cái kho”. Về ý nghĩa của Tam Tạng, người ta đã nêu ra một hình tượng rất sinh động này :

“Những lời dạy của Phật được các Đại đệ tử của Ngài sắp xếp cho gọn rồi đem cất kỹ vào trong 3 cái kho.

— Kho thứ nhất chứa tất cả các bài giảng hoặc các pháp thoại của Phật. Đó là TẠNG KINH.

* Nhà sư Huyền Trang trong truyện Tây-du-ký là người đi sang Ấn-độ để thỉnh đủ cả “ba cái kho kinh”, nên được người đời khâm phục, gọi là “Ông Tam Tạng”.

— Kho thứ nhì chứa tất cả các quy tắc do Phật đặt ra để các đệ tử của Ngài cứ y theo đó mà điều hành Giáo hội. Đó là TẠNG LUẬT.

— Kho thứ ba “sinh ra” từ hai kho trước – nhất là từ kho đầu tiên : người ta tìm hiểu các ý nghĩa thâm sâu nằm tiềm ẩn trong các lời Phật dạy, rồi đem cất vào kho thứ 3 này. Đó là TẠNG LUẬN.

4. Kết tập lần thứ 4 : tại Kasmira

Sau ngày Phật nhập diệt 400 năm, cuộc kết tập kinh điển lần thứ 4 được tổ chức tại thành Kasmira ở nước Kế Tân, vùng Tây Bắc Ấn Độ.

Thành quả của lần kết tập này là : ba bộ sách sau đây được ra đời :

— Bộ Kinh-sớ chứa *10 vạn bài tụng để giải thích tạng KINH.*

— Bộ Luật-sớ chứa *10 vạn bài tụng để giải thích tạng LUẬT.*

— Bộ Luận-sớ chứa *10 vạn bài tụng để giải thích tạng LUẬN.*

Cả 3 bộ chứa tất cả 30 vạn bài tụng với 9 600 000 từ .

Bảng tóm lược
CÁC HỘI NGHỊ KẾT TẬP KINH ĐIỂN
TRONG LỊCH SỬ PHẬT GIÁO

	KẾT TẬP LẦN 1	KẾT TẬP LẦN 2	KẾT TẬP LẦN 3	KẾT TẬP LẦN 4
Năm mở hội nghị	544	444	324	144
Địa điểm	Vương Xá	Tỳ-xá-ly	Pataliputta	Kasmira
Số tỷ kheo tham dự (đã đắc quả A-la-hán)	500 *	700	1000	500
Thời gian làm việc	7 tháng	8 tháng	9 tháng	
Đứng đầu hội nghị	Trưởng lão Đại Ca-diếp	Trưởng lão Revata	Trưởng lão Moggaliputta	Trưởng lão Thế Hữu
MỤC ĐÍCH của HỘI NGHỊ	Chư tăng cùng đọc lại KINH và LUẬT của Phật với mục đích không để cho một tà giáo nào, một tà giới nào lọt vào Giáo hội, cũng không để cho một tà kiến nào lớn mạnh.	Kết duyệt lại kinh điển nguyên thủy vì trong 100 năm qua đã có nhiều ý-kiến khác nhau về giới luật. Cuối cùng 10 điều luật mới không được hội đồng chấp thuận. Điều này đưa đến việc xuất hiện Thượng toạ bộ và Đại chúng bộ.	Tổng duyệt kinh điển của Thượng toạ bộ. Tạng LUẬN đầu tiên xuất hiện trong dịp này, tương truyền do ngài Moggaliputta biên soạn.	Vi chư tăng của các phái bộ có những kiến giải bất đồng về kinh điển nên lại phải mở đại hội kết tập. Kết quả : soạn ra ba bộ : Kinh sơ, Luật sơ và Luận sơ, với 30 vạn bài tụng dài 9.600.000 từ.

* Lúc được đề cử vào Hội đồng kết tập, ông A-nan chưa đắc quả A-la-hán. Vì vậy một ngày trước khi hội nghị khai mạc, ông rất tủi hổ. Hôm đó, ông ngồi thiền suốt đêm. Trời vừa hừng sáng, ông đắc quả và khoan thai bước vào phòng họp cùng với 499 vị A-la-hán.

Ghi chú

1. Lúc trưởng lão Đại Ca-diếp nêu ra ý kiến : “*Cần thành lập hội đồng kết tập kinh điển*” thì chư tăng đều đồng ý.

Cùng với lời uỷ nhiệm để trưởng lão thành lập Hội đồng, chư tăng có kèm theo một điều kiện : “Trong Hội đồng, **PHẢI CÓ TÔN GIẢ A-NAN.**”

a. Sở dĩ như vậy là vì mọi người đều hiểu rằng trong 25 năm làm thị giả cho Phật, ông A-nan luôn luôn kề cận bên Phật, đã nghe Phật giảng nhiều hơn bất cứ một tỷ kheo nào khác. Mặt khác, ông A-nan còn có một trí nhớ lạ lùng : “*ông nhớ hết, không bỏ sót một bài thuyết pháp nào của Phật, cũng như của các đại đệ tử của Phật.* (Khi một người Bà-la-môn hỏi ông nhớ được bao nhiêu bài kinh, ông đáp : “**82.000 bài của Phật và 2.000 bài của các đại sư huynh.**” Và đúng là Phật giáo có cả thầy 84.000 bài kinh).

b. Khi được đề cử vào Hội đồng kết tập, ông A-nan chưa đắc quả A-la-hán. Vì vậy *một ngày trước lúc hội nghị khai mạc*, ông rất tủi hổ. Hôm đó, ông ngồi thiền suốt đêm. Trời vừa hừng sáng, ông đắc quả và bước vào phòng họp cùng với 499 vị A-la-hán khác.

2. Lúc bấy giờ trong Hội đồng kết tập có 2 ý kiến khác nhau : Một số *chủ trương tuân thủ truyền thống của chư tăng*, tự xưng là **Thượng-toạ-bộ** (những người hộ trì giáo lý của các Thượng toạ), một số tỷ kheo khác *chủ trương canh tân*, tự xưng là **Đại-chúng-bộ** (những người của đại chúng). Về sau, Đại-chúng-bộ phát triển mạnh, biến thành phái Đại-thừa (cổ xe lớn).

3. Trong lần kết tập thứ ba, Hội đồng không chấp thuận 10 điểm canh tân do Đại-chúng-bộ đưa ra.

Sau lần kết tập thứ ba, nội dung của hai bộ Kinh và Luật được phong phủ hấn lên (do có cả một tác phẩm thứ ba được thêm vào đó). Cùng với thời gian, “*việc thêm*” càng ngày càng nhiều và 200 năm sau, Phật giáo có thêm một quyển kinh thứ ba : quyển *Luận A-tỳ đàm*.

Ba bộ Kinh, Luật và Luận được gọi là Tam Tạng (ba “cái giỏ”). Nhà sư Huyền Trang trong truyện Tây-du-ký là người lâu thông cả “ba cái giỏ kinh”, nên được người đời khâm phục, gọi là “*Ông Tam Tạng*”.

Dưới triều vua A-dục, cả đảo Tích Lan theo đạo Phật : tại các tỉnh xa trên đảo ấy, ba bộ kinh được IN ĐẬM trong trí nhớ của các tỷ kheo.

Mãi đến thế kỷ thứ II trước Tây lịch, mới được viết bằng chữ trên các lá bối đa (hiện giờ vẫn còn lưu trữ tại Tích lan).

* Trong bản này, ba lần kết tập đầu tiên được soạn từ quyển *Lịch Sử Đức Phật* ; lần kết tập thứ tư được trích từ bài báo *Lịch sử kết tập Pháp tạng lần thứ tư* của Thượng toạ Thích Phước Sơn đăng trong nguyệt san Giác Ngộ, số 12 tháng 3 PL 2540 – 1997.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

KINH

1. *Kinh Trường A-hàm* – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1991
2. *Kinh Trung A-hàm* – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1992
3. *Kinh Trường Bộ* – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1991
4. *Kinh Trung Bộ* – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1992
5. *Kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm* – Tỷ kheo ni Như Hải dịch. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. 1995
6. *Kinh Bốn Sanh* (Truyện Tiền Thân Đức Phật) – Hoà thượng Thích Minh Châu, Giáo sư Trần Tuấn Mẫn, Giáo sư *Nguyễn Tâm* Trần Phương Lan dịch – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1993
7. *Kinh Phật Bốn Hạnh Tập* – Hoà thượng Thích Trung Quán dịch – Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. 1996
8. *Kinh Đại Bát Niết Bàn* – Thích Trí Tịnh dịch – Liên Hoa Tịnh Thất Mỹ Tho xuất bản. Phật lịch 2510
9. *Kinh Đại Bảo Tích* – Hoà thượng Thích Trí Tịnh dịch – Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. 1999
10. *Kinh Tập* – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1991
11. *Kinh Pháp Cú* – Trưởng lão Thiển sư Pháp Minh dịch – Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh 1998.
12. *Kinh Đại Phước Đức* – Thượng toạ Thích Huyền Diệu – Việt Nam Phật Quốc tự xuất bản. 1997

SÁCH VÀ TẠP CHÍ

1. *Ánh Đạo Vàng* – Võ Đình Cường – Nhà xuất bản Thuận Hoá in lần thứ 14 – Năm 1999
2. *Đức Phật và Phật Pháp* – Narada Thera, Phạm Kim Khánh dịch – Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. 1998
3. *Đức Phật Lịch Sử* – H.W. Schumann, Giáo sư *Nguyễn Tâm* Trần Phương Lan dịch – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. 1997
4. *Đường Về Xứ Phật* – Thích Minh Châu, Thích Thiện Châu, Thích Huyền Vi và Pasadika. – Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. 1998
5. *Lịch Sử Đức Phật Thích Ca* – Thích Minh Châu – Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam, cơ sở II ấn hành năm 1989

6. *Văn Học Sử Phật giáo* – Cao Hữu Đính – Minh Đức in lần thứ nhất năm 1971, Saigon
7. *Tuần báo Giác Ngộ*
8. *Tranh lịch Xuân Canh Thìn*, tuần báo Giác Ngộ
9. *L' Art dans le Monde* – Albin Michel, Paris. 1962
10. *Beautés du Monde* – Larousse. 1979
11. *La Grande Encyclopédie* – Larousse. 1971
12. *Great World Atlas* – The Reader's Digest Association – New York
13. *La Lumière de L' Asie* – L. Sorg – Editions Adyer. 1931
14. *Les Merveilles du Monde* – Hachette. 1957
15. *Tibet* – Stein and Day – New York

TỪ ĐIỂN

1. *Phật Học Từ điển* – Đoàn Trung Còn – Phật Học Tông Thợ, 1966
2. *Phật Quang Đại Từ điển* – Bản dịch của tu viện Huệ Quang, 1995
3. *Từ điển Pali* – Việt Nam – Bửu Chơn
4. *Từ điển Phật Học Hán Việt* – Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, 1998.

Truyện Tranh
LỊCH SỬ
PHẬT THÍCH CA

Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo Việt Nam thực hiện
Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế) ấn tống với Bản Quyền

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Truyện Tranh
LỊCH SỬ
PHẬT THÍCH CA

Lời: LÝ THÁI THUẬN
Tranh: TRƯƠNG QUÂN

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC